TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 / 2019/ DS - ST
Ngày: 08- 7- 2019

V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà: không tham gia.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Quỹ tín dụng V

Trụ sở: 64X Khóm 5, Phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bé N – Là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Bà Bùi Thị Bé N ủy quyền cho ông Bùi Lê M – Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Phó Giám đốc Quỹ tín dụng V (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2018); có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*:

1/ Bà Cao Thị Ánh N, sinh năm 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 19/2 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

2/ Bà Trần Thị Phương P, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 9/1 Khóm 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 19/9/2018 nguyên đơn Quỹ tín dụng V và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Lê M trình bày:

Ngày 05/4/2018 Quỹ tín dụng V (gọi tắt là Quỹ tín dụng) ký Hợp đồng cấp tín dụng trả góp ngày số: 1- 0007395 với bà Cao Thị Ánh N để vay 20.000.000đ, thời hạn vay 86 ngày (từ ngày 05/4/2018 đến ngày 30/6/2018), lãi suất trong hạn 36,5%/năm, lãi suất quá hạn 54,75%/năm, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm, mục đích vay để tiêu dùng, hình thức trả góp mỗi ngày là 131.200đ. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng bà N chỉ thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền gốc và lãi của hợp đồng là 7.888.000đ. Bà N và bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đến nay đã hết hạn hợp đồng nhưng bà N và bà P chưa trả đủ tiền vay. Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà N và bà P trả 16.152.405đ (trong đó: tiền gốc 13.328.000đ, tiền lãi trong hạn 604.000đ, tiền lãi quá hạn 2.220.000đ, lãi chậm trả 405đ), tiền gốc và tiền lãi này được tính đến ngày 17/9/2018; Quỹ tín dụng yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng hai bên thỏa thuận đến khi bà N và bà P trả hết nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng cấp tín dụng trả góp ngày số: 1- 0007395 ngày 05/4/2018. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật.

* Tại Tờ Tường trình ngày 14/4/2019 và Bản tự khai ngày 16/4/2019 bà Trần Thị Phương P trình bày: Bà thừa nhận là người bảo lãnh cho bà N chứ Bà không vay và sử dụng số tiền trên nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông M đại diện cho Quỹ tín dụng có đơn xin xét xử vắng mặt và tại bản kê chi tiết tính lãi vay ngày 05/7/2019 Quỹ tín dụng có thay đổi một phần yêu cầu trong đơn kiện về tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả. Theo đó tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 05/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/7/2019 là 13.328.000đ x 36,5%/năm x 150% x 368 ngày = 7.357.056đ và tiền lãi chậm trả là 13.328.000đ x 36,5%/năm x 10% x 368 ngày = 1.344đ. Tổng cộng là 21.306.400đ (trong đó vốn gốc là 13.328.000đ, tiền lãi trong hạn là 620.000đ, tiền lãi quá hạn là 7.357.056đ, tiền lãi chậm trả là 1.344đ) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo (09/7/2019) cho đến khi bà N và bà P trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bà N và Bà P vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quỹ tín dụng V khởi kiện yêu cầu bà Cao Thị Ánh N trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp ngày số: 1- 0007395 ngày 05/4/2018 với số tiền là 21.306.400đ; bà N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; bà N có địa chỉ số số 19/2 ấp Long Thuận B, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Bị đơn bà N, bà P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Quỹ tín dụng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2018 nguyên đơn Quỹ tín dụng V khởi kiện đồng bị đơn là bà Cao Thị Ánh N và bà Trần Thị Phương P nhưng xét bà N là người trực tiếp ký hợp đồng vay và trực tiếp nhận số tiền vay từ Quỹ tín dụng, bà P chỉ là người bảo lãnh cho bà N khi bà N không có khả năng thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng nên Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của bà Trần Thị Phương P trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng V.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp ngày số: 1-0007395 ngày 05/4/2018 được ký giữa Quỹ tín dụng và Vân, thể hiện bà N nhận tiền gốc 20.000.000đ là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà N biết yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Bà vẫn vắng mặt, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Quỹ tín dụng yêu cầu bà N trả số tiền gốc còn lại: 13.328.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng tín dụng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự 2015 mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các điều 91, 95 và Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bà N phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 05/7/2018 đến

ngày xét xử sơ thẩm (08/7/2019) theo mức 54,75%/năm là có cơ sở chấp nhận. Tổng cộng tiền lãi được chấp nhận là 7.978.400đ.

[2.3] Xét lời trình bày của bà Trần Thị Phương P, Bà thừa nhận Bà là người bảo lãnh cho bà N chứ Bà không vay và sử dụng số tiền trên nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại Khoản 1 Điều 335 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

" Điều 335. Bảo lãnh

1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

2. …."

Và Điều 336 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định:

"**Điều 336. Phạm vi bảo lãnh**

1. Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh.

2. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tuy bà P không trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng và không trực tiếp nhận tiền vay nhưng tại Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn và Cam kết bảo lãnh hợp đồng/ đồng trả nợ vay cùng ngày 30/3/2018, Bà cùng bà N ký các văn bản trên với Quỹ tín dụng và cam kết đồng trả nợ cùng với bà N. Nếu trong thời gian vay vốn tại Quỹ tín dụng V bà N không có khả năng thanh toán khoản vay, Bà sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm đứng ra thanh toán khoản vay này. Tại Khoản 1 Điều 342 của Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định:

"Điều 342. Trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh

1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.

2. ..."

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng; Buộc bà N có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng số tiền còn nợ: 21.306.400đ (trong đó vốn gốc là 13.328.000đ, tiền lãi trong hạn là 620.000đ, tiền lãi quá hạn là 7.357.056đ, tiền lãi chậm trả là 1.344đ)

Trường hợp bà Cao Thị Ánh N không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng số tiền trên thì buộc bà Trần Thị Phương P có nghĩa vụ trả thay bà N toàn bộ số tiền trên cho Quỹ tín dụng theo Cam kết bảo lãnh hợp đồng đã ký ngày 30/3/2018.

[3] Về án phí: Quỹ tín dụng V yêu cầu bà N trả số tiền 21.306.400đ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn bà N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 05% x 21.306.400đ = 1.065.000đ. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng V tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

Căn cứ Điều 335, 336, 342, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng V;

Buộc bà Cao Thị Ánh N có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng V số tiền còn nợ là 21.306.400đ (Hai mươi một triệu ba trăm lẻ sáu ngàn bốn trăm đồng); Trong đó: vốn gốc là 13.328.000đ, tiền lãi trong hạn là 620.000đ, tiền lãi quá hạn là 7.357.056đ, tiền lãi chậm trả là 1.344đ.

Trường hợp bà Cao Thị Ánh N không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho Quỹ tín dụng thì buộc bà Trần Thị Phương P có nghĩa vụ trả nợ thay bà N toàn bộ số tiền trên cho Quỹ tín dụng theo Cam kết bảo lãnh hợp đồng đã ký ngày 30/3/2018

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/7/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng trả góp ngày số: 1- 0007395 ngày 05/4/2018.

2/ Về án phí sơ thẩm:

2.1/ Buộc Cao Thị Ánh N nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.065.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)

2.2/ Quỹ tín dụng V được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 403.000đ (Bốn trăm lẻ ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số N^{0} 0001952 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS HLH;
- VKSND HLH;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.